

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNNMT-BVMT&ĐDSH

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

V/v hướng dẫn thực hiện các quy định
pháp luật về bảo vệ môi trường

Kính gửi:

- Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Các doanh nghiệp hoạt động chăn nuôi;
- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN, CCN trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu các chủ đầu tư dự án, đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (*sau đây viết tắt là doanh nghiệp*) đang triển khai xây dựng, hoạt động trên địa bàn tỉnh nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường sau:

1. Xây dựng hoàn thành các công trình xử lý chất thải cho dự án; thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, doanh nghiệp phải thực hiện lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường. Đối với các thay đổi quy định tại điểm b hoặc điểm c, khoản 4, Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, doanh nghiệp có trách nhiệm cập nhật và thực hiện nội dung tự đánh giá tác động đến môi trường, báo cáo cơ quan phê duyệt/cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ về môi trường (cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường) theo quy định tại Điều 39, 42, 44 và 49 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 28, 29 và 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10, 11 và 12, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Đối với dự án đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 3, Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, doanh nghiệp phải có văn bản thông báo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trường hợp Báo cáo đánh giá tác động môi trường do Bộ phê duyệt).

3. Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

4. Thực hiện quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý toàn bộ chất thải và kiểm soát các chất ô nhiễm khác phát sinh trong quá trình xây dựng, hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Chương VI của Luật Bảo vệ môi trường, không được phép xả chất thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải của doanh nghiệp thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có lưu lượng xả thải ra môi trường từ 50 m³/ngày trở lên phải có công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Đối với các cơ sở có phát sinh nước thải xả thải ra môi trường còn lại phải có đồng hồ đo lưu lượng đầu ra.

5. Thu gom, phân loại tại nguồn, bố trí khu vực lưu giữ riêng từng loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Điều 56, 58, 66, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; khoản 29, 30, 31, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Mục 1, 2, 3, 4, Chương IV Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 12, 13, 14, 15, 16, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Đối với các doanh nghiệp thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải lập Kế hoạch quản lý môi trường theo Mẫu số 06a, Mục 3, Phụ lục Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải (gồm quan trắc định kỳ và quan trắc tự động) theo quy định tại Điều 97 và 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; khoản 46 và 47, Điều 1 và Mục 17 Phụ lục Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Hệ thống quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục của doanh nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu tự động và kết nối, truyền dẫn số liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường; các thiết bị quan trắc phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng). Khi thông số giám sát vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phải thực hiện rà soát công trình xử lý chất thải để xác định nguyên nhân và có phương án cải tạo, nâng cấp, đảm bảo chất thải được xử lý đạt quy chuẩn, đồng thời có văn bản báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi.

7. Công khai các thông tin về môi trường (gồm: Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Giấy phép môi trường, kết quả quan trắc,...) theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 9, Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

8. Lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo) theo mẫu quy định tại Mục 5 Phụ lục kèm theo Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/01 của năm tiếp theo đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; trước ngày 20/01 của năm tiếp theo đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

9. Xây dựng và ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; công khai Kế hoạch và gửi UBND cấp xã, Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế (trường hợp đơn vị nằm trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao). Thực hiện xây dựng, bố trí các công trình, trang thiết bị, phương tiện, huấn luyện lực lượng tại chỗ để ứng phó sự cố môi trường.

10. Mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường công suất lớn quy định tại Cột 3, Phụ lục II, Mục 2 Phụ lục Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

11. Các doanh nghiệp có lưu lượng xả nước thải, bụi, khí thải lớn ra môi trường thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều

112 Luật Bảo vệ môi trường phải bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận.

12. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, khí thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 và Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ.

13. Đối với các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, CCN:

- Thực hiện đầy đủ các quy định tại khoản 4, Điều 51 và khoản 3, Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 48 và 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 19, 20, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Xây dựng hoàn thành hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường cho KCN, CCN; thực hiện đấu nối, thu gom nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, CCN và đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của KCN, CCN phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

14. Các doanh nghiệp hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản phải có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường và nộp tiền ký quỹ theo quy định tại Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 36 và 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 15, 16, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

15. Đối với các doanh nghiệp hoạt động chăn nuôi:

- Thu gom toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động chăn nuôi và xử lý đảm bảo đúng quy định. Bố trí lối đi riêng vào khu vực xử lý chất thải, có phương tiện, thiết bị sát trùng đảm bảo an toàn sinh học để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát việc xử lý chất thải. Khi sử dụng chất thải rắn chăn nuôi có nguồn gốc hữu cơ và nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi trang trại làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất, phân bón hữu cơ, nước tưới cho cây trồng hoặc làm thức ăn thủy sản phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành và không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận chuyển, sử dụng.

- Có phương án tái sử dụng (ghi rõ: địa điểm, diện tích, số lượng cây, thời gian, tần suất) khi sử dụng nước thải tưới cho cây trồng và nêu rõ trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường hoặc có văn bản báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi thực hiện.

- Vệ sinh sạch sẽ các xe chở heo trước khi vận chuyển trên đường; hạn chế tối đa việc sử dụng thiết bị phun sương trên các xe khi vận chuyển heo trên đường; lắp đặt thiết bị thu gom toàn bộ nước làm mát từ hệ thống phun sương, nước thải trên xe để xử lý theo quy định, tránh tình trạng rơi vãi trên đường khi vận chuyển, làm phát tán mùi hôi gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

16. Các doanh nghiệp thuộc danh mục danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính tại Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ:

- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần cho năm 2024 trở đi và xây dựng báo cáo theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ trước ngày 31/3 kể từ năm 2025 gửi cơ quan quản lý lĩnh vực, chuyên môn có liên quan của UBND tỉnh để thẩm định theo quy định.

- Xây dựng Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030 theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ; điều chỉnh, cập nhật hằng năm (nếu có) gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bộ quản lý lĩnh vực và cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc UBND tỉnh trước ngày 31/12/2025.

- Xây dựng báo cáo giảm nhẹ phát thải khí nhà kính định kỳ hằng năm của năm trước kỳ báo cáo theo Mẫu số 02 Phụ lục III Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bộ quản lý lĩnh vực và cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc UBND tỉnh trước ngày 31/3 kể từ năm 2027.

17. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, khu vui chơi, giải trí, cơ sở lưu trú du lịch, đơn vị tổ chức lễ hội phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại khoản 2, Điều 59 và Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường.

18. Doanh nghiệp nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất chỉ được nhập khẩu phế liệu thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất cho cơ sở sản xuất của mình; thực hiện ký quỹ và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2, Điều 71 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 45 và 46 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 18, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

19. Đối với doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu:

- Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì có giá trị tái chế thuộc đối tượng quy định tại Cột 3, Phụ lục XXII, Mục 15 của Phụ lục Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thực hiện tái chế sản phẩm, bao bì theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc theo quy định tại Mục I, Chương VI Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; khoản 33, 34, 35, 36 và 37, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Đăng ký kế hoạch tái chế đối với các sản phẩm, bao

bì sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường của năm liền trước và báo cáo kết quả tái chế sản phẩm, bao bì của năm trước; kê khai số tiền đóng góp tài chính đối với sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường của năm liền trước gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31/3 hằng năm. Nộp đủ tiền đóng góp tài chính hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì đã kê khai vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trước ngày 20/4 hằng năm.

- Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho thu gom, xử lý thuộc đối tượng quy định tại Cột 2, Phụ lục XXIII, Mục 16 của Phụ lục Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ phải đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải theo quy định tại Điều 83, 84, 85 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và khoản 39, 40, 41, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ. Kê khai số tiền đóng góp hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải đối với sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường của năm liền trước gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31/3 hằng năm; nộp đủ tiền đóng góp hỗ trợ hoạt động xử lý chất thải đã kê khai vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam trước ngày 20/4 hằng năm.

- Công khai thông tin về sản phẩm, bao bì do doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu (gồm: thành phần nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; hướng dẫn phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý; cảnh báo rủi ro trong quá trình tái chế, tái sử dụng, xử lý) trên nhãn hàng hóa, website hoặc các hình thức phù hợp khác.

20. Đối với doanh nghiệp nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy:

- Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật Bảo vệ môi trường; Điều 41 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Doanh nghiệp nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy phải thực hiện đánh giá sự phù hợp, dán nhãn và công bố thông tin chất ô nhiễm khó phân hủy trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị theo quy định tại Điều 39 và 40 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Các doanh nghiệp nhập khẩu, sản xuất, sử dụng chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) thuộc Phụ lục XVII, Mục 14 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ làm nguyên liệu sản xuất trực tiếp phải thực hiện đăng ký miễn trừ chất POP; có văn bản thông báo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về khối lượng và tên chất POP trước khi thực hiện hoạt động nhập khẩu đối với từng lô hàng theo quy định tại Điều 38 và khoản 2, Điều 41 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

21. Các đơn vị sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên (gồm: dịch vụ môi trường rừng của hệ sinh thái rừng; hệ sinh thái đất ngập nước phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản; hệ sinh thái núi đá, hang động và công viên địa chất phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí; hệ sinh thái tự nhiên phục vụ mục đích hấp thụ và lưu trữ các-bon) thực hiện việc chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo quy định tại Điều 121, 123, 125 và 126 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc doanh nghiệp liên hệ với Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua: Chi cục Bảo vệ môi trường và Đa dạng sinh học) để được hỗ trợ, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.NN&MT các huyện, thị xã, thành phố;
- BQLKKT;
- Lưu: VT, BVMT&ĐDSH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Văn Dinh